

Số: 21/2022/QĐST-DS

Việt Yên, ngày 24 tháng 6 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ điểm đ, khoản 1, khoản 3 Điều 12; khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/ 2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Biên bản hoà giải thành ngày 15 tháng 6 năm 2022 về việc các đương sự đã thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 52/2022/TLST- DS ngày 12/5/2022.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó. Ngày 16/6/2022, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Thân Thị M, anh Thân Văn L, chị Thân Thị L và chị Thân Thị T vắng mặt tại phiên hòa giải ngày 15/6/2022 đã có văn bản đồng ý với nội dung trong Biên bản hòa giải thành ngày 15/6/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng N.

Đại diện pháp luật: Ông Tiết Văn T– Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Địa chỉ trụ sở: Số 02 Láng Hạ, phường T, quận B, thành phố H.

Đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Bà Đào Thị Phương H– Chức vụ: Trưởng Phòng Kế hoạch kinh doanh - Chi nhánh Khu công nghiệp Đ(Văn bản ủy quyền số 272 ngày 29/4/2022)

Bị đơn: Ông Thân Văn M, sinh năm 1960.

Địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện V, tỉnh B.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Thân Thị M, sinh 01/01/ 1963.

2. Anh Thân Văn L, sinh năm 1986.

3. Chị Thân Thị L, sinh năm 1988.

4. Anh Thân Văn C, sinh năm 1992.

5. Chị Thân Thị T, sinh năm 1994.

Cùng địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện V, tỉnh B.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Tính đến hết ngày 15/6/2022, ông Thân Văn M, bà Thân Thị M còn nợ Ngân hàng N (viết tắt là Ngân hàng) tổng số tiền là 336.084.972 đồng (trong đó: Nợ gốc là 300 triệu đồng; nợ lãi là 35.936.549 đồng, phạt trên lãi chậm trả là 148.423 đồng) cụ thể:

- Hợp đồng tín dụng số 2500LAV201801239 ngày 13/6/2018: Nợ gốc là 240 triệu đồng, nợ lãi 29.437.809 đồng (trong đó lãi trong hạn là 14.321.097 đồng; nợ lãi quá hạn là 15.116.712 đồng); phạt trên lãi chậm trả là 148.423 đồng. Tổng là 269.586.232 đồng.

- Hợp đồng tín dụng số 2502-LAV-201901497 ngày 22/8/2019: Nợ gốc là 60 triệu đồng, nợ lãi 6.498.740 đồng (trong đó lãi trong hạn là 3.690.740 đồng; nợ lãi quá hạn là 2.808.000 đồng); phạt trên lãi chậm trả là 0 đồng. Tổng là 66.498.740 đồng.

2.2. Ông Thân Văn M, bà Thân Thị M có nghĩa vụ trả Ngân hàng N tổng số tiền tính đến hết ngày 15/6/2022 là 336.084.972 đồng (bằng chữ: Ba trăm ba mươi sáu triệu, không trăm tám mươi tư nghìn, chín trăm bảy mươi hai đồng; trong đó: Nợ gốc là 300 triệu đồng; nợ lãi là 35.936.549 đồng, phạt trên lãi chậm trả là 148.423 đồng) và toàn bộ khoản tiền lãi phát sinh kể từ ngày 16/6/2022 đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản tiền còn nợ theo Hợp đồng tín dụng số 2500LAV201801239 ngày 13/6/2018 và Hợp đồng tín dụng số 2502-LAV-201901497 ngày 22/8/2019. Thời gian trả cụ thể như sau: Ngày 20 dương lịch hàng tháng ông Thân Văn M, bà Thân Thị M có trách nhiệm trả Ngân hàng 10.000.000 đồng (bằng chữ: Mười triệu đồng) tiền gốc và tiền lãi. Ông Thân Văn M, bà Thân Thị M thực hiện nghĩa vụ trả tiền từ ngày 20/6/2022 đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

2.3. Kể từ ngày 16/6/2022, ông Thân Văn M, bà Thân Thị M còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 2500LAV201801239 ngày 13/6/2018 và Hợp đồng tín dụng số 2502-LAV-201901497 ngày 22/8/2019. Trường hợp trong hợp đồng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà ông Minh, bà Mơ phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2.4. Nếu ông Thân Văn M, bà Thân Thị M vi phạm bất cứ kỳ thanh toán nào theo cam kết trả nợ nêu trên, Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án thi hành đối với toàn bộ vụ án.

2.5. Trường hợp, ông Thân Văn M, bà Thân Thị M không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc không trả hết nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng 219,8m² đất và toàn bộ tài sản trên đất thuộc thửa số 565 tờ bản đồ số 6, địa chỉ tại thôn 7, xã Tăng Tiến, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành AB710587, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: H02966 do Ủy ban nhân dân huyện Việt Yên cấp ngày 29/9/2005, tên người sử dụng đất hộ ông Thân Văn M và bà Thân Thị M theo

Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 2018286.240/HĐTC ngày 12/6/2018 để thu hồi nợ.

2.6. Về án phí:

- Ông Thân Văn M được miễn án phí dân sự sơ thẩm (đối với phần án phí ông Thân Văn M phải chịu theo quy định pháp luật là 2.100.500đồng)
- Ông Thân Văn M chịu cả 6.301.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm (đối với phần án phí ông Thân Văn M nhận chịu thay Ngân hàng và bà Thân Thị M).
- Trả lại Ngân hàng N 8.720.000đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0006369 ngày 12/5/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Việt Yên.

2.7. Về chi phí tố tụng: Ông Thân Văn M chịu cả 3000.000đồng tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ tài sản. Ngân hàng N được nhận lại số tiền 3000.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ khi ông Thân Văn M nộp.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- Chi Cục THADS ;
- VKSND huyện Việt Yên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Triệu Thị Luyện